TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 153/2021/DSPT
Ngày 03 tháng 12 năm 2021
Về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Mai Anh Tài .

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Ngọc Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 305/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt". Do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9819/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn K; Địa chỉ: Khối 5 thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Anh P; Chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm1953; Địa chỉ: Xóm T, cụm M, xã D, huyện T, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ: Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1980; Địa chỉ: Xóm D, xã K, huyện T, Nghệ An. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Trọng M, sinh năm 1981. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Trọng V, sinh năm 1987. Có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh M, chị T, anh V: - Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1980; Địa chỉ: Xóm D, xã D, huyện T, Nghệ An. Có mặt.

4- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Xóm 6 (TĐ) xã K, huyện T, Nghệ An. Vắng mặt.

Người được chị Nguyễn Thị T ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm1953; Địa chỉ: Xóm T, cụm M, xã D, huyện T, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

5- Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Tr, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn N, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh T; Địa chỉ trụ sở: Lô 03-3A, 04-3A, Cụm khu công nghiệp H, phường VT, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Lê Thế B, Chức vụ: Phó Giám đốc.

Người được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thùy D, chức vụ: Trưởng phòng Tín dụng (theo giấy ủy quyền ngày 10/9/2020). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn K (sau đây gọi tắt là Công ty K) trình bày: Ngày 02/01/1996, Công ty K được Uỷ ban nhân dân tỉnh Nghệ An (sau đây viết tắt là UBND) giao 578ha đất Lâm nghiệp tại tiểu khu 853 và 860 thuộc xã D, huyện T, tỉnh Nghệ An theo Quyết định số 239/QĐ-UB để sản xuất kinh doanh, bảo vệ xây dựng và phát triển rừng. Tại thời điểm làm hồ sơ và nhận đất Công ty đã phát hiện có hộ gia đình ông Nguyễn Trọng S (chồng bà Đ) đã trồng một số cây bạch đàn trên diện tích đất mà UBND tỉnh Nghệ An đã giao cho công ty và công ty đã cho cán bộ bồi thường cho họ, đến ngày 30/12/2008 UBND tỉnh Nghệ An quyết định chuyển 578ha đất lâm nghiệp từ hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất theo Quyết định số 452/QĐ-UBND.ĐC ngày 30/12/2008 với diện tích là 5.715.000,0m^2 (Diện tích đất lâm nghiệp tại Quyết định này ít hơn so với Quyết định số 239 ngày 02/01/1996 là do có đường mòn Hồ Chí Minh đi qua nên Nhà nước đã thu hồi một số diện tích đất để mở đường). Ngày 20/02/2009 công ty TNHH K đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

AL508663 với diện tích đất lâm nghiệp là 5.715.000,0m^2. Quá trình sử dụng đất, khoảng năm 2003 đến năm 2005, Công ty phát dọn đất rừng để đưa vào sản xuất thì phát hiện gia đình bà Nguyễn Thị Đ đã có hành vi chiếm dụng đất của Công ty 80.783m^2; Công ty đã có nhiều giải pháp và có văn bản đề nghị UBND xã D, huyện T và Hạt Kiểm Lâm huyện T, tỉnh Nghệ An can thiệp để bà Nguyễn Thị Đ và những người đang canh tác trên diện tích đất đang tranh chấp trả đất lại cho Công ty nhưng không có kết quả và từ đó đến nay bà Đ vẫn tiếp tục phát sẻ, trồng cây, chiếm dụng đất của công ty.

Công ty TNHH K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con của bà Đ phải trả cho Công ty K 80.783m^2 đất lâm nghiệp bị lấn chiếm. Căn cứ để Công ty K khởi kiện là: Quyết định số 239/QĐ-UB để sản xuất kinh doanh, bảo vệ xây dựng và phát triển rừng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL508663; Quyết định số 452/QĐ-UBND.ĐC ngày 30/12/2008 đã xác lập quyền sử dụng đất hợp pháp của Công ty cũng như các Công văn số 8362/UBND - BTD ngày 03/11/2016 và Công Văn 657 ngày 09/11/2018 của Thanh tra tỉnh Nghệ An.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Trọng M, anh Nguyễn Trọng V, chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị T (*Các con của bà Đ)* thống nhất trình bày: Diện tích đất 80.783m^2 đất nguồn gốc là do gia đình bà khoanh nuôi, bảo vệ, sản xuất, trồng cây bắt từ năm 1991. Năm 1993 và năm 1994 ông S (chồng bà nay đã mất) đã làm đơn xin khoanh nuôi, bảo vệ diện tích 15ha rừng được xóm M và UBND xã D đồng ý; ông C là cán bộ lâm nghiệp xã đã chỉ mốc giới cho gia đình bà. Trong quá trình sản xuất và trồng rừng ổn định không có cá nhân, cơ quan nào ngăn cản hay đình chỉ việc gia đình bà sản xuất, trồng rừng. Gia đình bà sử dụng liên tục trên diện tích 80.783m^2 đất từ năm 1991 cho đến nay. Hiện nay gia đình bà đang khoanh nuôi, bảo vệ và đã trồng các loại cây như: cây mỡ, cây mít trên 20 năm, cây xoài, cây xà cừ, cây lát, tre, mét trên 20 năm; đào giếng, đào ao, làm nhà và các công trình phụ chuồng trâu bò, lợn, gà. Công ty K đã thừa nhận gia đình bà đến ở và khai hoang trước Công ty, nhưng Công ty vẫn cố tình không giải quyết cho gia đình bà sử dụng. Đất đang tranh chấp, đang khiếu nại tại UBND xã D chưa được giải quyết nhưng UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định Số 452 ngày 30/12/2008 và Giấy CNQSD đất số AL 508663 ngày 20/02/2009 cho Công ty K là trái pháp luật. Gia đình bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty K yêu cầu gia đình bà trả lại 8.783m^2 đất mà gia đình đang sử dụng.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, bị đơn là bà Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh M, anh V, chị T) có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án nhân

dân tỉnh Nghệ An Hủy các Quyết định số 239 ngày 02/01/1996; Quyết định Số 452 ngày 30/12/2008; Quyết định số AL508663 ngày 20/02/2009 của UBND tỉnh Nghệ An. Yêu cầu Công ty K bồi thường công sức, tiền bạc, sức khỏe, danh phẩm cho gia đình bà bỏ ra và đi lại hơn 10 năm theo đúng pháp luật.

*Ý kiến quan điểm của UBND tỉnh Nghệ An:

Về nguồn gốc và việc sử dụng đất của Công ty TNHH K (sau đây gọi tắt là Công ty): Thực hiện Nghị định 02/1994CP về giao đất Lâm nghiệp, UBND tỉnh Nghệ An đã có QĐ239 ngày 02/01/1996 giao cho Công ty TNHH K diện tích 578 ha đất rừng tại xã D, huyện T. Khi thực hiện NĐ 163/1999 chuyển sang thuê đất thì Công ty đã làm thủ tục và UBND tỉnh Nghệ An đã cấp Giấy CNQSDĐ đó cho Công ty tại QĐ 452/QĐ/UB ngày 30/12/2008 với diện tích cho thuê là 571,5ha. Thời điểm lập hồ sơ giao đất, cho thuê đất xác định đất không có tranh chấp, không nhận đơn yêu cầu khiếu nại cũng như văn bản của cơ quan đang giải quyết tranh chấp. Theo văn bản báo cáo của UBND xã D thì tại thời điểm cho thuê đất (năm 2008) không có ai tranh chấp. Việc UBND tỉnh Nghệ An ban hành các Quyết định của UBND tỉnh Nghệ An giao đất cho Công ty TNHH K là đúng các quy định của Luật Đất đai nên bà Đ yêu cầu Hủy các Quyết định đó là không có căn cứ, không có cơ sở và không chấp nhận.

Ý kiến và quan điểm của Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh T: Công ty TNHH K có nhu cầu vay vốn, Ngân hàng tiến hành thẩm định và Công ty đã thế chấp Giấy CNQSDĐ số AL508663 cấp ngày 20/02/2009 của UBND tỉnh Nghệ An theo Hợp đồng thế chấp lập ngày 24/7/2019 đúng các quy định. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho chủ sở hữu tài sản cũng như đơn vị tín dụng cho vay.

Tại Bản án sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 21 Luật Đất đai năm 1993, các Điều 32, 50 Luật Đất đai năm 2003.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 38, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn K về việc buộc bà Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Trọng M, Nguyễn Trọng V, Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T phải thu hoạch, di dời tài sản, trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn K 8.783 m^2 đất tại thửa số 200, tờ bản đồ số 2, xã D, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Trọng V, anh Nguyễn Trọng M và chị Nguyễn Thị T.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mã số AL508663 ngày 20/02/2009 của UBND tỉnh Nghệ An giao cho Công ty TNHH K được quyền sử dụng 5.715.000m2 đất tại thửa số 200, tờ bản đồ số 02, xã D, huyện T, tỉnh Nghệ An.

- Hủy các Quyết định liên quan gồm: Quyết định số 239/QĐ-UB ngày 02/01/1996 của UBND tỉnh Nghệ An về việc giao đất lâm nghiệp cho Công ty TNHH K 578ha tại tiểu khu 853 và 860 thuộc xã D, huyện T và Quyết định 452/QĐ-UBND.ĐC ngày 30/12/2008 của UBND tỉnh Nghệ An về việc cho Công ty K thuê đất: Chuyển 571,5 ha đất theo Quyết định số 239/QĐ-UB ngày 02/01/1996 không thu tiền sang thuê đất hàng năm.

- Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; Thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2020, nguyên đơn là Công ty TNHH K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị tòa án bảo vệ quyền lợi cho công ty vì công ty được giao, thuê đất theo đúng quy định.

Tại phiên toà phúc thẩm: Địa diện Công ty TNHH K giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày. Diện tích cụ thể Công ty khởi kiện đòi đối với gia đình bà Nguyễn Thị Đ là khoảng 08ha nằm trong toàn bộ diện tích 571ha mà Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Nhệ An giao và sau này chuyển sang cho thuê, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2009.Việc gia đình bà Đ xâm canh diện tích đất đã giao cho công ty là không đúng, gia đình bà Đ không hề có giấy tờ gì về việc được giao đất, cho thuế đất hoặc đã kê khai xin sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bác yêu cầu đòi lại đất của Cong ty là trái quy định của pháp luật và xâm hại đến quyền lợi của người sử dụng đất được nhà nước cho thuê đất đúng quy định. Việc Tòa án cấp sơ thẩm hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ 751ha mà công ty được cấp và các quyết định giao đất có liên quan của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An là trái pháp luật. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo đúng quy định bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho doanh nghiệp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận:

Có cở sở xác định gia đình bà Đ, lúc đó là ông S chồng bà Đ vào sử dụng một phần đất hiện có tranh chấp. Có căn cứ xác định Công ty TNHH K được giao diện tích 571ha trong đó có 08ha do ông S đang sử dụng. Từ khi được giao đất đến năm 2005 Công ty mới phát hiện và phát sinh tranh chấp. Việc Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi đất đang có tranh chấp là không đúng quy định của luật đất đai. Tuy nhiên diện tích

đang tranh chấp mà công ty kiện đối với gia đình bà Đ chỉ là 08ha, nhưng khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm lại chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đ để hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban tỉnh đã cấp cho Công ty với toàn bộ 571ha là không đúng. Sau khi có bản án sơ thẩm, Công ty cung cấp tài liệu kèm theo kháng cáo thấy có nêu nội dung Quyết định số 4469/2009/QĐ-UB ngày 07/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An có nội dung giữ nguyên hiện trạng đất đối với gia đình bà H, bà Đ đang canh tác đến hết chu kỳ canh tác nhưng không quá 06 năm phải giao trả đất cho Công ty. Quyết định này chưa được tòa án cấp sơ thẩm thu thập trong hồ sơ theo quy định nên không có căn cứ để đánh giá là vi phạm về thủ tục tố tụng. Do đó đề nghị chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH K, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao thu thập chứng cứ, giải quyết lại vụ án theo đúng quy định.

Bà Nguyễn Thị Đ và người được ủy quyền của bà Đ không đồng ý với toàn bộ nội dung kháng cáo của Công ty TNHH K và kết luận của đại diện Viên kiểm sát nhân dân cấp cao; đề nghị giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của các đương sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

1. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH K làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận để xét.

Về tư cách tham gia tố tụng: Công ty TNHH K đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ 571ha đất được thuê cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh T để vay tiền. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải xác định Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và chi nhánh T, Hà Nội chỉ là người được ủy quyền. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mà không nêu họ có được ủy quyền thường xuyên hay không là xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng đã được hướng dẫn trong Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Về thu thập chứng cứ: Kèm theo đơn kháng cáo, Công ty TNHH K gửi kèm "Báo cáo" của Thanh tra tỉnh Nghệ An đề ngày 09/11/2018 theo quyết định số 436/QĐ-TTR thấy nội dung có nêu Quyết định số 4469/2009/QĐ-UB ngày 07/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Theo đó tại thời điểm năm 2009 có nội dung giữ nguyên hiện trạng đất đối với gia đình bà Hải, bà Đ đang canh tác đến hết chu kỳ canh tác nhưng không quá 06 năm phải giao trả đất cho Công ty; Giao UBND huyện T chỉ đạo UBND xã D, Ban quản lý rừng phòng hộ T, Công ty TNHH K thường xuyên theo dõi, đôn đốc các hộ dân thu hoạch sản

phẩm, thu hồi lại đất đưa vào sử dụng đúng mục đích. Quyết định này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập trong hồ sơ theo quy định; từ đó chưa xác minh làm rõ kết quả thực hiện quyết định này của Ủy ban nhân dân tỉnh như thế nào. Nhưng đã quyết định bác yêu cầu của Công ty và hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty; nay không có tài liệu và căn cứ để đánh giá là cấp sơ thẩm đã vi phạm về thủ tục thu thập chứng cứ.

2. Về nội dung: Xét kháng cáo của Công ty TNHH K.

[2.1]. Về việc:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Công ty K) về việc đòi lại 80783 m^2 đất lâm nghiệp mà gia đình bà Nguyễn Thị Đ đang sử dụng.

Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ, kết quả lấy ý kiến nhân dân, cũng như lời thừa nhận một phần của ông B (đại diện cho nguyên đơn) thì: Nguồn gốc đất đang tranh chấp do ông Nguyễn Trọng S (chồng bà Đ) đã tiến hành khai hoang từ năm 1991, ông S đã có Đơn xin nhận đất vườn rừng ngày 23/3/1993 và ngày 03/02/1994 được Ban xóm M và UBND xã D xác nhận chuyển cho Đ/c C - lâm nghiệp xã kiểm tra, giải quyết và làm thủ tục theo quy định chung. Việc gia đình ông S (ông, bà và các con) đã trồng cây, làm lán trại ở, chăn nuôi và sử dụng từ năm 1991 đến nay là có thật; nhưng diện tích giao ban đầu là bao nhiêu, ranh giới đến đâu thì chưa có tài liệu làm rõ.

Khi thực hiện NĐ 02/1994 CP về việc giao đất, giao rừng, Công ty TNHH K là đơn vị đủ điều kiện để được giao đất nên đã được UBND tỉnh Nghệ An có Quyết định 239/1996 giao đất cho Công ty TNHH K 578 ha trong đó có diện tích đất gia đình ông Sử đã khai hoang sử dụng từ năm 1991 và năm 1993, 1994 được UBND xã D cho phép như nêu trên.

Tuy nguồn gốc đất tranh chấp có phần do gia đình ông S khai hoang, sử dụng được phép của UBND xã D là cơ quan quản lý đất tại thời điểm đó, ông S sử dụng đúng mục đích nhưng không kê khai. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ về thẩm quyền quản lý và giao đất rừng phòng hộ tại thời điểm đó thuộc cơ quan nào có thẩm quyền để xác định việc Ủy ban nhân dân xã giao cho cán bộ địa C xã chỉ và giao đất cho gia đình ông S là có đúng thẩm quyền hay không; việc giao quản lý, sử dụng đất rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của cơ quan nào và giao đất rừng phòng hộ có cần phải có quyết định thu hồi đất đó theo các quy định về quản lý rừng phòng hộ của C phủ tại thời điểm đó để quyết định cũng là chưa đúng.

Nhưng lại xác định "trên cơ sở nguồn gốc đất, quá trình sử dụng có căn cứ xác lập quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình bà Đ, vì vậy Công ty TNHH K khởi kiện đòi lại 80.783 m^2 đất bà Đ đang sử dụng là không đảm bảo cơ sở pháp

lý cũng như thực tế, vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty" là chưa có cơ sở vững chắc.

Khi xét yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn về việc đề nghị hủy các Quyết định của UBND tỉnh Nghệ An về việc giao đất lâm nghiệp cho Công ty TNHH K.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định Quyết định 239/QĐ-UB ngày 02/01/1996 và Quyết định 452/QĐ-UBND.ĐC ngày 30/12/2008 của UBND tỉnh Nghệ An đã giao cho Công ty K thuê 571,5 ha đất theo QĐ 239/1996 không thu tiền sang thuê đất hàng năm. Công ty TNHH K đã được cấp Giấy CNQSD đất mang mã số AL508663 ngày 20/02/2009 của UBND tỉnh Nghệ An giao cho Công ty TNHH K được quyền sử dụng 5.715.000m^2 tại thửa số 200, tờ bản đồ số 2, xã D, huyện T. Đây là Quyết định xác lập quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH K. Diện tích Công ty đang tranh chấp với gia đình bà Nguyễn Thị Đ chỉ là 08 ha nhưng Bản án sơ thẩm đã quyết định hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này và các quyết định liên quan của UBND tỉnh Nghệ An giao đất cho Công ty là không đúng và làm thiệt hại đền quyền lợi của Công ty; khi hủy giấy chứng nhận này nhưng lại chưa xem xét về hậu quả của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất này giữa Công ty với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cũng là thiếu sót.

Mặt khác quá trình giải quyết lại vụ án, trong hồ sơ không có tài liệu thẩm định ranh giới, diện tích và tài sản trên đất từ sau năm 2017 nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục thiếu sót của bản án sơ thẩm nếu sửa bản án sơ thẩm về nội dung chỉ hủy giấy chứng nhận đối với diện tích đất đang có tranh chấp được. Đồng thời với vi phạm như đã phân tích tại phần tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục. Do vậy cần chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH K, cũng như kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Hơn nữa toàn bộ 571ha đất có giấy CNQSD đất đang thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh T từ ngày 24/7/2019 có phần bị vô hiệu vì có tranh chấp với gia đình bà Nguyễn Thị Đ nhưng án sơ thẩm không giải quyết gì về vấn đề này là thiếu sót không thể khắc phục được.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên Công ty TNHH K không phải chịu án phí phúc thẩm.

Tiền tạm ứng án phí và các chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn K; Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số số 10/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử theo quy định.

2. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH K 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2020/0000110 ngày 07/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Vũ Đông